

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11 – 8 - 2026

*V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung,
chia tài sản chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lô Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Thôn; bà Lò Thị Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Thuý Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị Th, S năm 1993. Nơi cư trú: Bản Ph, xã Bó S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Quàng Văn T, S năm 1991. Nơi cư trú: Bản Ph, xã Bó S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị Th trình bày:

Chị Th và anh Quàng Văn T kết hôn với nhau ngày 10/8/2016. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bó S, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La (Nay là Ủy ban nhân dân xã Bó S, tỉnh Sơn La). Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được hơn 10 năm thì phát S mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Sau khi xảy ra mâu thuẫn thì vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2025 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng

không còn quan tâm đến nhau. Từ những mâu thuẫn nêu trên, chị Th đề nghị Toà án giải quyết được ly hôn với anh Quảng Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Quảng Văn Đ, S ngày 01/12/2015. Khi ly hôn chị Th đề nghị giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh T.

Về tài sản chung: Không kê khai, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Quảng Văn T quá trình giải quyết, anh T có yêu cầu phản tố trình bày: Anh và chị Lò Thị Th kết hôn với nhau ngày 10/8/2016. Việc kết hôn là tự nguyện tìm hiểu, không ai bị ép buộc, đủ điều kiện đăng ký kết hôn. Được Ủy ban nhân dân xã Bó S, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn chúng tôi sống chung tại bản Ph, xã Bó S, tỉnh Sơn La. Chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát S mâu thuẫn, chúng tôi đi làm ăn cùng nhau nhưng do ghen tuông nên dẫn đến mâu thuẫn, chị Th bỏ về quê trước, sau đó chuyển đến sống cùng bố mẹ đẻ. Gia đình tôi có đến nhà bố mẹ chị Th để khuyên giải hàn gắn nhưng không thành. Nay chị Th có đơn yêu cầu Toà án giải ly hôn thì anh T không đồng ý.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Quảng Văn Đ, S ngày 01/12/2015. Hiện nay con đang ở với tôi tại bản Ph, xã Bó S, tỉnh Sơn La. Trường hợp chị Th nhất quyết ly hôn với tôi thì tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tôi yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi và yêu cầu cấp dưỡng một lần.

Về tài sản chung: Vợ chồng tạo lập được khối tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà sàn trị giá khoảng 80.000.000 đồng; 01 xe mô tô Honda RSX mua năm 2022 giá trị 25.000.000 đồng và số tiền tích góp 200.000.000 đồng. Anh T yêu cầu Toà án phân chia theo quy định.

Về nợ chung: Cam kết không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 26/6/2026 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi hòa giải chị Th và anh T thống nhất được các nội dung như sau:

Về con chung: Anh Quảng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Quảng Văn Đ, S ngày 01/12/2015 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Lò Thị Thiệp có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Lò Thị Th và anh Quảng Văn T thống nhất được tài sản chung được tạo lập gồm: 01 ngôi nhà sàn trị giá khoảng 80.000.000 đồng; 01 xe mô tô Honda RSX mua năm 2022 giá trị 25.000.000 đồng. Chị Th không yêu cầu được chia mà giao lại toàn bộ cho anh T quản lý sử dụng.

Đối với số tiền tích góp 200.000.000 đồng theo anh T trình bày do chị Th đang quản quản lý, chị Th khai không còn số tiền này và đã chi tiêu hết cho S hoạt gia đình khi còn sống chung.

Ngày 26/6/2026 Toà án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ. Yêu cầu anh Quảng Văn T cung cấp chứng cứ để chứng minh về số tiền tích góp 200.000.000 đồng và ra Thông báo nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu phân chia tài sản của anh Quảng Văn T. Tuy nhiên, hết thời hạn theo yêu cầu, anh Quảng Văn T không cung cấp được cho Toà án chứng cứ chứng minh về số tiền tích góp 200.000.000 đồng và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí.

Do đó Toà án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của Pháp luật và các thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

Về hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị Th được ly hôn với anh Quảng Văn T

Về con chung: Giao cháu Quảng Văn Đ, S ngày 01/12/2015 cho anh Quảng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Lò Thị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị Lò Thị Th và anh Quảng Văn T thống nhất được tài sản chung được tạo lập gồm: 01 ngôi nhà sàn trị giá khoảng 80.000.000 đồng; 01 xe mô tô Honda RSX mua năm 2022 giá trị 25.000.000 đồng. Chị Th không yêu cầu được chia mà giao lại toàn bộ tài sản nêu trên cho anh T quản lý sử dụng, nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Bác yêu cầu phân chia tài sản chung của anh Quảng Văn T về số tiền tích góp 200.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lò Thị Th được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Chị Lò Thị Th khởi kiện đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quảng Văn T và giải quyết vấn đề về con chung, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Quảng Văn T có địa chỉ tại xã Bó S, tỉnh Sơn La, do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La theo quy định tại Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn đã được Tòa án tổng Đ hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng bị đơn không có mặt không có lý do. Nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị Th và anh Quảng Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bó S, tỉnh Sơn La vào ngày 10/8/2016, việc kết hôn là tự nguyện không bị ai ép buộc, khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị Th và anh T xuất phát từ việc hai vợ chồng tính cách khác nhau, bất đồng quan điểm sống, đã sống ly thân. Xét mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng và cuộc sống chung không còn, mục đích của hôn nhân không Đ được. Việc quyết định cho chị Th ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị Th và anh Quảng Văn T có 01 con chung là Quảng Văn Đ, S ngày 01/12/2015. Chị Th và anh T thống nhất: Anh Quảng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Quảng Văn Đ, S ngày 01/12/2015 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Lò Thị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Chị Lò Thị Th và anh Quảng Văn T thống nhất được tài sản chung được tạo lập gồm: 01 ngôi nhà sàn trị giá khoảng 80.000.000 đồng; 01 xe mô tô Honda RSX mua năm 2022 giá trị 25.000.000 đồng. Chị Th không yêu cầu được chia mà giao lại toàn bộ cho anh T quản lý sử dụng. Hiện tại những tài sản này đang do anh T quản lý sử dụng, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền tích góp 200.000.000 đồng theo anh T trình bày do chị Th đang quản quản lý, chị Th khai không còn số tiền này và đã chi tiêu hết cho S hoạt gia đình khi còn sống chung.

Ngày 26/6/2026 Toà án đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ. Yêu cầu anh Quảng Văn T cung cấp chứng cứ để chứng minh về số tiền tích góp 200.000.000 đồng và ra Thông báo nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu phân chia tài sản của anh Quảng Văn T. Tuy nhiên, hết thời hạn theo yêu cầu, anh Quảng Văn T không cung cấp được cho Toà án chứng cứ chứng minh về số tiền tích góp 200.000.000 đồng và biên lai nộp tiền tạm ứng án phí. Do anh T không chứng minh được số tiền tích góp 200.000.000 đồng, nên HĐXX bác yêu cầu phân chia tài sản của anh T.

[5] Về án phí: Các đương sự là người dân tộc thiểu số, S sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên được xem xét miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 207; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số Điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hoà giải, đối thoại tại Toà án.

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lò Thị Th đối với anh Quảng Văn T.

Xử cho chị Lò Thị Th được ly hôn anh Quảng Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh Quảng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Quảng Văn Đ, S ngày 01/12/2015 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng anh T mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

"Kể từ ngày bên có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án, bên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán".

4. Về tài sản chung: Chị Lò Thị Th và anh Quàng Văn T thống nhất được tài sản chung được tạo lập gồm: 01 ngôi nhà sàn trị giá khoảng 80.000.000 đồng; 01 xe mô tô Honda RSX mua năm 2022 giá trị 25.000.000 đồng. Chị Th không yêu cầu được chia mà giao lại toàn bộ cho anh T quản lý sử dụng. Hiện tại những tài sản này đang do anh T quản lý sử dụng, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Bác yêu cầu phân chia tài sản chung của anh Quàng Văn T về yêu cầu phân chia số tiền tích góp 200.000.000 đồng.

5. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Các đương sự được miễn án phí sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, khoản 1 Điều 34; Điều 36 Luật Thi hành án dân sự 2025; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự 2025.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Sơn La (02);
- Các đương sự;
- UBND xã Bó S, tỉnh Sơn La;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Sơn La;
- Lưu hồ sơ; Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lô Văn Long